

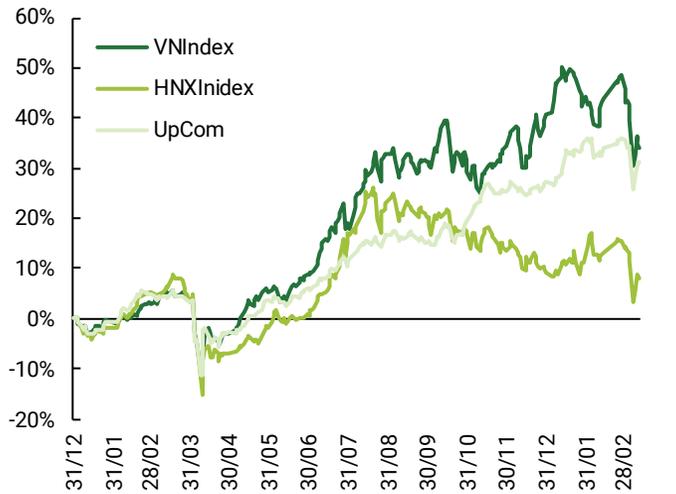
VN-Index **1696.24 (-0.78%)**
 1087 Tr. cổ phiếu 27541.2 Tỷ VND (0.79%)

HNX-Index **245.84 (-0.81%)**
 124 Tr. cổ phiếu 2479.7 Tỷ VND (41.38%)

UPCOM-Index **124.75 (0.73%)**
 70 Tr. cổ phiếu 1032.3 Tỷ VND (8.79%)

VN30F1M **1840.00 (-0.70%)**
 324,049 HD OI: 40,334 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1696.2, giảm -13.4 điểm (-0.8%). Thanh tăng nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Các nhóm ngành luân phiên phục hồi, dù vậy, diễn biến hiện tại chủ yếu mang tính phục hồi kỹ thuật sau nhịp giảm mạnh trước đó; một số nhóm ngành khi tiếp cận vùng kháng cự đã xuất hiện dấu hiệu chững lại.
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Xây dựng và vật liệu: HHV (+6.8%), FCN (+6.7%) | Bất động sản: NVL (+6.8%), TAL (+4.1%), TCH (+3.4%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (+2.4%), SAB (+1.5%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Dầu khí: BSR (-6.9%), PLX (-6.9%), PVD (-3.0%) | Hóa chất: BFC (-5.5%), GVR (-5.0%), DCM (-4.6%) | Dịch vụ tài chính: TCX (-6.9%), DSE (-3.5%), SSI (-2.6%) | Bán lẻ: MWG (-3.1%), FRT (-2.9%).
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, VNM, VJC, VCK, NVL - Chiều giảm | GAS, BSR, TCX, GVR, VCB
 Khối ngoại Bán ròng gần 400 tỷ, tập trung nhiều ở BSR, VIC, SSI, trong khi mua ròng KDH, VNM, MSN.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji cùng thanh khoản duy trì dưới mức bình quân 20 phiên, cho thấy sự lưỡng lự vẫn chi phối. Dòng tiền luân chuyển nhanh và các nhóm ngành thay phiên phục hồi. Dù vậy, trạng thái hồi phục mang tính kỹ thuật sau nhịp giảm mạnh trước đó; một số cổ phiếu khi tiếp cận vùng kháng cự đã xuất hiện dấu hiệu chững lại. Áp lực điều chỉnh nhìn chung vẫn đang chiếm ưu thế. Đối với VN-Index, chỉ số vẫn chưa thoát khỏi biên độ của cây nến giảm mạnh ngày 09/03, cho thấy xu hướng cần thêm thời gian để củng cố. Trong kịch bản hồi phục, vùng kháng cự gần năm quanh 1750 điểm, và cao hơn là ngưỡng tâm lý 1800 điểm. Ở chiều ngược lại, vùng hỗ trợ được nâng lên quanh 1640 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số gặp khó khăn trong nỗ lực vượt lên vùng đáy cũ, cho thấy lực cung còn chi phối. Vận động nghiêng về rung lắc và tiếp tục kiểm định thêm vùng giá 245 – 250.
- **Chiến lược:** Nhịp hồi nghiêng về cơ cấu cho các vị thế chưa kịp bán trước đó. Trường hợp đã đưa tài khoản về mức an toàn, NĐT nên theo dõi thêm phản ứng của thị trường tại các mốc hỗ trợ và kháng cự. Hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bất tăng chưa rõ ràng. Bên cạnh đó, các chuyển biến địa chính trị cần tiếp tục được theo dõi sát để có thêm định hướng về chuyển động dòng tiền. Nhóm ngành nổi bật: Phân bón, Tiện ích.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi HDG (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,696.2 ▼	-0.8%	-4.1%	-7.0%	27,541.2 ➡	0.8%	-18.3%	35.6%	1,087.0 ▲	6.2%	5.3%	76.1%
HNX-Index	245.8 ▼	-0.8%	-3.1%	-4.4%	2,479.7 ▲	41.4%	-1.2%	137.0%	124.2 ▲	38.4%	17.2%	133.3%
UPCOM-Index	124.8 ➡	0.7%	-1.7%	-2.0%	1,032.3 ▲	8.8%	-13.9%	60.6%	69.8 ▲	111.5%	-18.8%	60.3%
VN30	1,853.6 ▼	-0.3%	-2.7%	-8.2%	13,193.6 ▼	-13.0%	-29.5%	11.9%	372.1 ▼	-12.6%	-18.8%	36.6%
VNMID	2,161.1 ▼	-0.4%	-1.8%	-3.7%	11,800.2 ▲	19.5%	-3.9%	71.7%	519.5 ▲	23.9%	14.9%	97.2%
VNSML	1,416.3 ▼	0.0%	-3.5%	-5.0%	1,605.0 ▲	15.1%	-2.7%	82.6%	108.2 ▲	20.8%	14.7%	83.0%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	614.9 ▼	-0.4%	-4.14%	-7.5%	6,032.9 ▼	-11.38%	-35.9%	5.4%	277.7 ▼	-5.2%	-27.2%	25.9%
Bất động sản	704.4 ➡	0.4%	-7.5%	-9.2%	3,192.7 ▼	-6.7%	-22.3%	14.3%	152.1 ▲	14.9%	0.6%	53.7%
Dịch vụ tài chính	307.0 ▼	-2.0%	-8.5%	-2.1%	3,847.3 ▲	9.2%	-13.9%	17.0%	160.2 ▲	4.1%	-13.9%	26.9%
Công nghiệp	252.2 ▼	-2.1%	-4.7%	-0.2%	1,622.9 ▲	26.0%	-12.3%	7.0%	54.8 ▲	42.5%	-2.6%	30.2%
Tài nguyên cơ bản	524.1 ▼	-0.5%	-1.7%	-1.1%	1,004.1 ▼	-28.3%	-52.9%	-32.5%	45.3 ▼	-21.8%	-48.8%	-23.2%
Xây dựng - Vật Liệu	179.5 ▲	1.0%	-1.8%	-1.3%	1,860.8 ▼	-8.7%	22.7%	63.6%	91.5 ▼	-0.6%	30.2%	89.0%
Thực phẩm	502.9 ➡	0.8%	-12.3%	-28.7%	1,567.9 ▲	1.8%	-20.3%	-2.9%	34.1 ➡	0.1%	-24.4%	0.5%
Bán Lẻ	1,519.7 ▼	-2.8%	-1.4%	-8.2%	895.0 ▼	-23.2%	-40.4%	-4.0%	12.6 ▼	-16.9%	-37.7%	-0.6%
Công nghệ	415.7 ▼	-0.8%	-7.6%	-20.4%	849.9 ▼	-17.4%	-46.5%	-38.0%	12.0 ▼	-14.6%	-47.3%	-31.5%
Hóa chất	197.7 ▼	-4.1%	-3.8%	10.3%	2,238.0 ▼	-5.6%	-1.1%	69.4%	50.5 ▼	-2.8%	-6.5%	56.8%
Tiện ích	822.8 ▼	-3.7%	-12.1%	-0.2%	1,206.6 ▲	82.7%	17.3%	58.9%	56.2 ▲	97.7%	46.3%	95.6%
Dầu khí	139.7 ▼	-6.6%	-1.6%	37.4%	2,383.1 ▲	105.0%	25.5%	93.0%	59.8 ▲	115.0%	32.7%	96.4%
Dược phẩm	442.4 ▼	-0.3%	-0.9%	-1.8%	30.5 ▼	-12.6%	-34.5%	5.0%	1.1 ▼	-47.9%	-55.2%	-9.0%
Bảo hiểm	112.6 ➡	0.5%	-4.7%	-5.7%	49.2 ▼	-31.7%	-37.6%	-15.0%	1.0 ▼	-31.9%	-47.4%	-19.0%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,696.2 ▼	-0.78%	-4.9%	15.3x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,409 ▼	-1.43%	11.9%	15.9x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,137 ▼	-3.05%	-17.5%	18.4x	1.9x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,406 ▼	-0.77%	0.8%	16.6x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,059 ▼	-0.89%	0.1%	10.3x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,095 ▼	-0.82%	3.2%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,466 ▼	-0.98%	-0.6%	13.1x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,820 ▼	-1.16%	6.9%	21.5x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,673 ▼	-1.52%	-2.5%	26.1x	5.2x
Dow Jones	Mỹ	46,678 ▼	-1.56%	-2.9%	23.2x	5.3x
FTSE 100	Anh	10,295 ▼	-0.10%	3.7%	16.4x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,741 ▼	-0.14%	-0.9%	17.1x	2.4x
DXY		100.2 ▬	0.97%	1.9%		
USDVND		26,293 ▬	0.07%	0.0%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

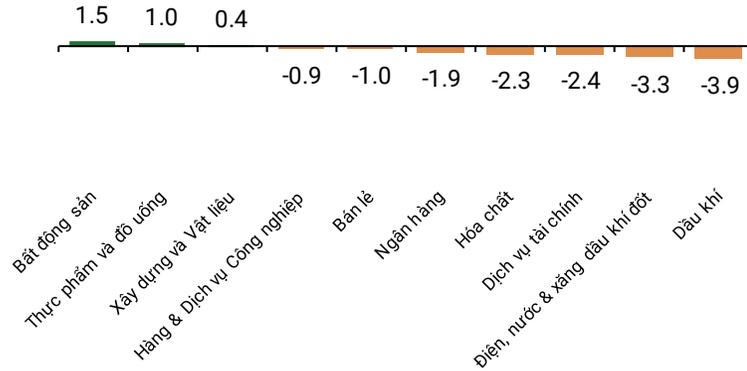
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.40%	48.3%	65.2%	43.8%
Dầu WTI	▼	-1.0%	51.3%	65.7%	43.0%
Khí gas	▲	1.5%	1.2%	-11.0%	-20.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-3.5%	-3.5%	-6.7%
Thép HRC (*)	▬	0.7%	0.9%	0.4%	-3.1%
PVC (*)	▼	-10.5%	4.2%	9.5%	3.5%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	34.5%	60.1%	63.1%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.9%	1.1%	8.4%	0.0%
Bông Cotton	▲	1.2%	6.1%	2.6%	-0.9%
Đường	▲	1.3%	4.7%	-3.9%	-25.0%
World Container Index	▲	8.4%	9.8%	-4.1%	-10.4%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-5.3%	56.1%	103.5%	190.8%
Vàng	▬	0.1%	0.9%	17.7%	70.1%
Bạc	▼	-1.2%	7.0%	15.6%	144.6%

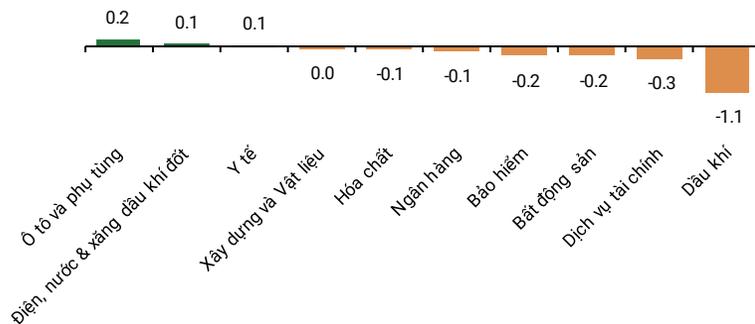
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

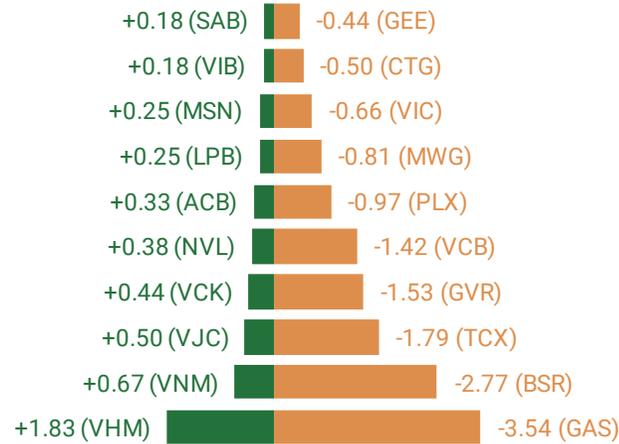
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



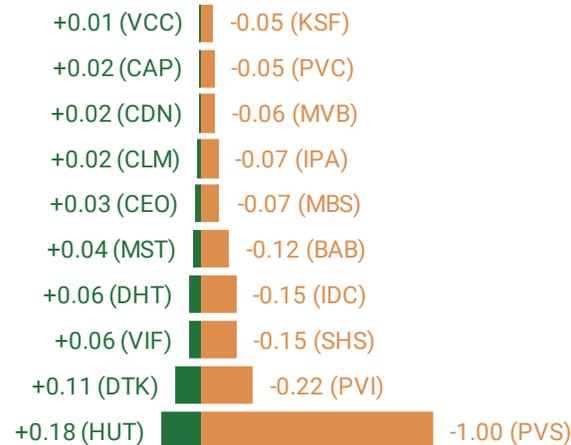
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

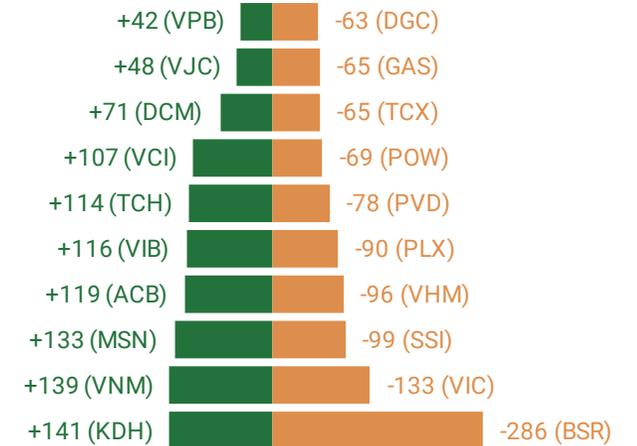


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

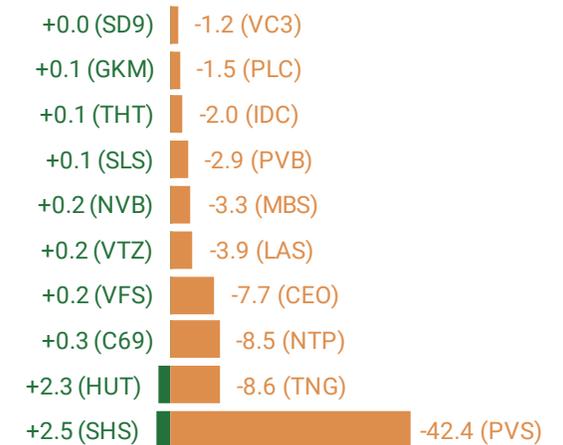


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

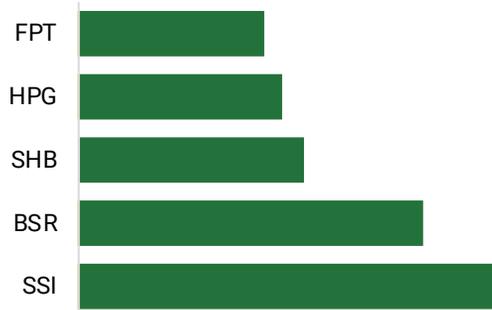
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

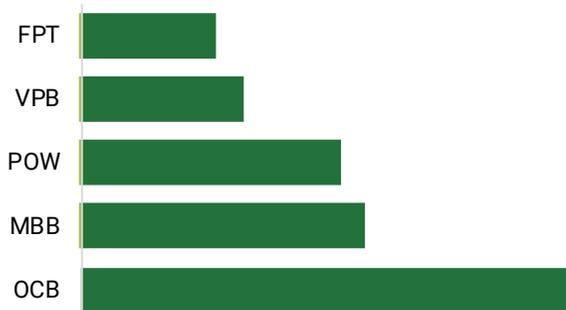


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SSI	BSR	SHB	HPG	FPT
%DoD	-2.6%	-6.9%	0.0%	-0.6%	-0.9%
Giá trị	1,574	1,301	851	771	702

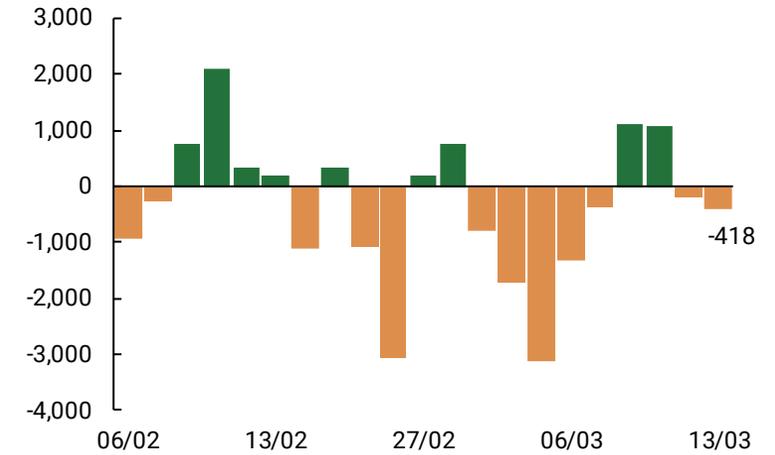
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



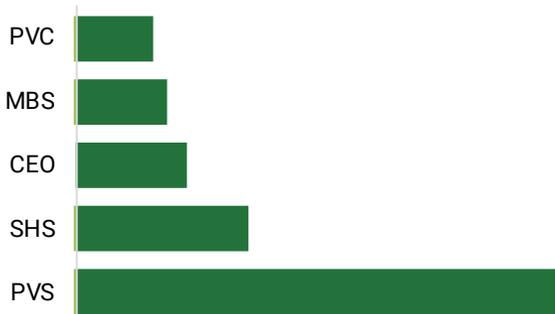
	OCB	MBB	POW	VPB	FPT
%DoD	0.0%	-0.4%	-0.7%	-0.4%	-0.9%
Giá trị	483	275	252	158	131

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



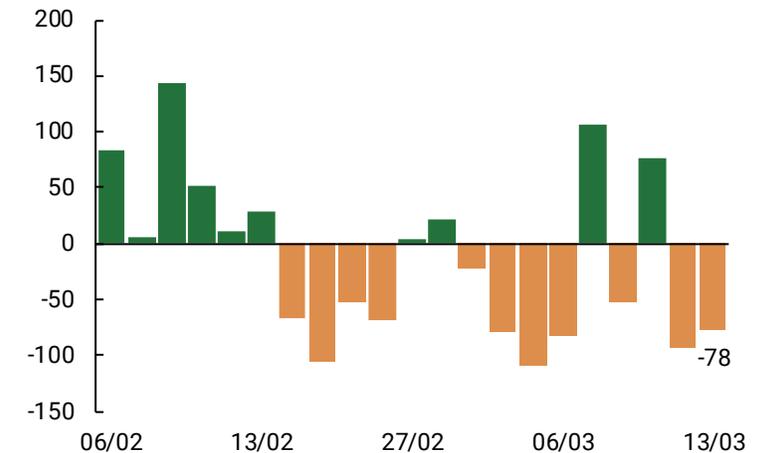
	PVS	SHS	CEO	MBS	PVC
%DoD	-8.0%	-1.8%	0.7%	-0.8%	-6.3%
Giá trị	732	262	169	139	117

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	DNP	S99	HLD	NRC
%DoD	1.9%	0.0%	0.0%	-1.8%	0.0%
Giá trị	334	64	32	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1640 | 1580.
- ✓ Kháng cự: 1750 | 1800.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Tâm lý giằng co tiếp tục chi phối và thanh khoản duy trì mức thấp. Trạng thái nghiêng về củng cố thêm nền giá sau cú lao dốc. Dù vậy, vận động chưa thoát ra được nền giảm lớn ngày 09/03, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế. Hiện kháng cự gần trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 1750 điểm và cao hơn là ngưỡng tâm lý 1800. Trong khi hỗ trợ được nâng lên quanh mức 1640 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting star, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1770 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900 | 1950.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ Lực cung tiếp tục chi phối trong nỗ lực hồi phục, khiến đà tăng bị thu hẹp đáng kể. Bên cạnh đó, biến động cao hàm ý dòng tiền vào nhóm cổ phiếu trụ lớn chưa ổn định. Trạng thái có lẽ cần tiếp tục củng cố thêm nền giá quanh ngưỡng 1850 điểm. Kháng cự gần hiện là mốc 1900 trong khi hỗ trợ bên dưới quanh mốc 1800.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	HDG	WATCH	Current price	28.45	P/E (x)	14.9
Exchange	HOSE		Watch zone	27 - 27.5	P/B (x)	1.5
Sector	Real Estate Holding & Development		Target price	31	EPS	1907.1
			Cut loss price	25.5	ROE	10.9%
				Stock Rating	BBB	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá bút phá cản 27.5 – 28 thuyết phục.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - Chỉ báo MACD vận động trên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giữ mức tăng trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 mở rộng với MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Tín hiệu thoát khỏi nhịp điều chỉnh và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá hạ nhiệt kiểm định lại khu vực 27 – 27.5.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	HDG	Theo dõi	16/03/2026	28.5	27 – 27.5	-	31.0	13.6%	25.5	-6.6%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DGC	Mua	11/03/2026	-	77.4	75 - 76	2.7%	84.0	11.4%	70	-7.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1840, giảm 13 điểm (-0.7%). Giá biến động theo cả hai chiều, trước xu hướng còn chưa rõ ràng.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD hạ nhiệt, trong khi RSI cũng giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế. Nếu giá tiếp tục phá vỡ ngưỡng 1835 sẽ nghiêng về chiều Short. Ngược lại, nếu vận động phục hồi và củng cố trên ngưỡng 1856, vị thế Long có thể cân nhắc. Lưu ý biến động mạnh vẫn còn chi phối giao dịch.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1752.6, giảm 20.4 điểm (-1.2%). Độ lệch basis -19.9 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 35 HĐ. Hiện hỗ trợ gần cũng quanh khu vực 1750, trong khi kháng cự là ngưỡng 1770 điểm.

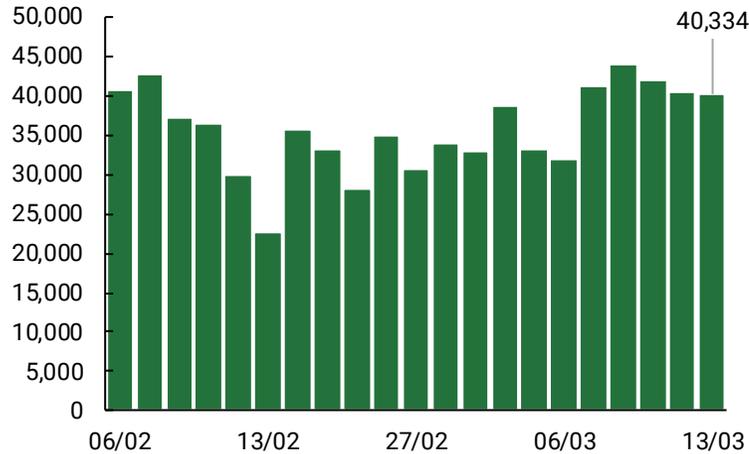
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 1835	1820	1845	15 : 10
Long	> 1856	1870	1847	14 : 09

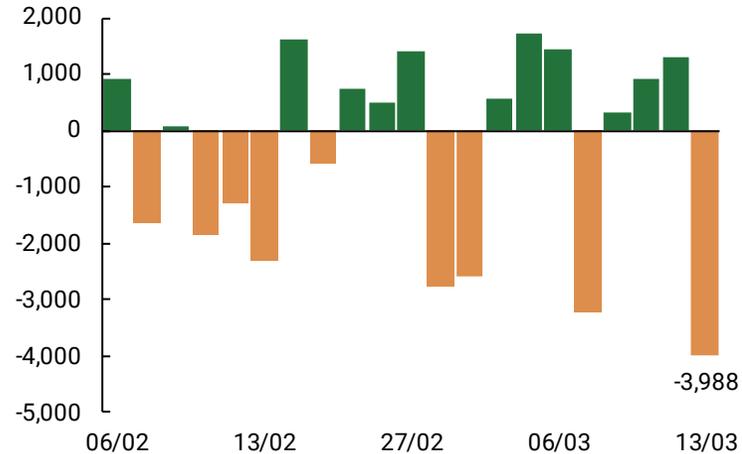
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,843.5	-12.9	56	245	1,863.2	-19.7	17/09/2026	188
4111G6000	1,833.0	-22.0	196	351	1,858.5	-25.5	18/06/2026	97
4111G4000	1,835.0	-17.0	2,491	3,425	1,855.3	-20.3	16/04/2026	34
4111G3000	1,840.0	-13.0	324,049	40,334	1,853.9	-13.9	19/03/2026	6
4112G3000	1,752.6	-20.4	35	44	1,772.9	-20.3	19/03/2026	6

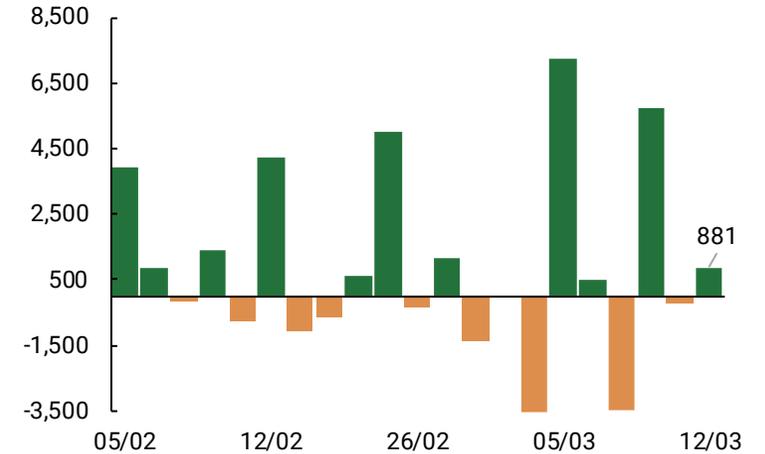
Khối lượng mở (Open interest)



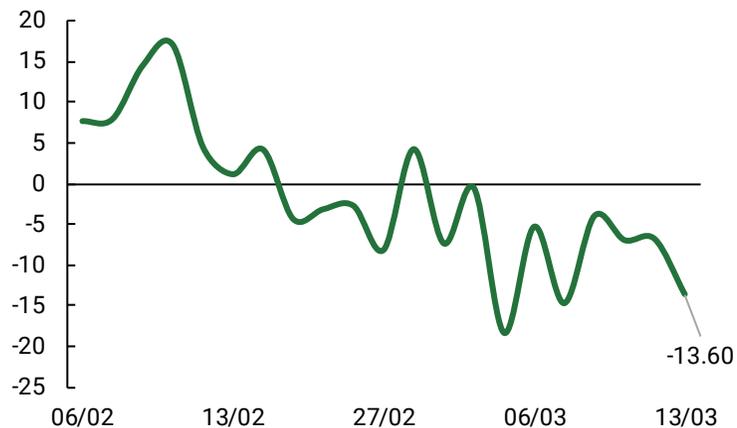
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



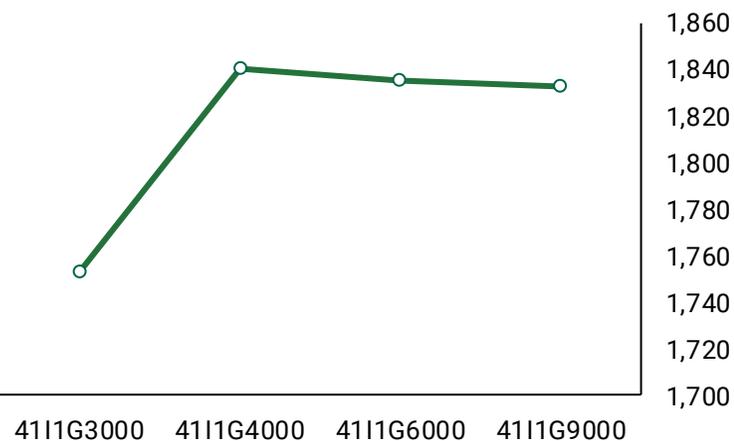
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



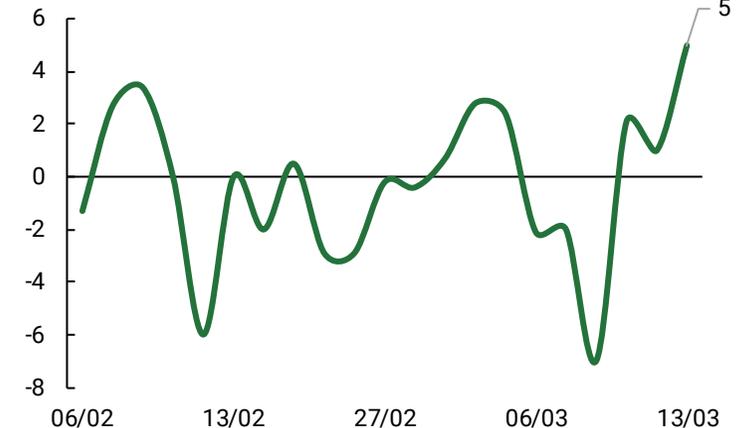
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,500	65,400	-13.4%	Bán
BCM	67,300	73,400	9.1%	Nắm giữ
CTG	38,250	45,200	18.2%	Tăng tỷ trọng
CTD	88,600	87,050	-1.7%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,250	27,200	12.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,300	68,000	25.2%	Mua
DDV	31,198	35,900	15.1%	Tăng tỷ trọng
DGC	73,800	99,300	34.6%	Mua
DGW	51,200	48,300	-5.7%	Giảm tỷ trọng
DPG	47,200	53,100	12.5%	Tăng tỷ trọng
DPR	42,700	46,500	8.9%	Nắm giữ
DRI	13,508	17,200	27.3%	Mua
EVF	13,800	14,400	4.3%	Nắm giữ
FRT	169,000	157,600	-6.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	84,400	77,000	-8.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	62,800	67,600	7.6%	Nắm giữ
HDG	27,300	34,500	26.4%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,800	34,300	19.1%	Tăng tỷ trọng
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nắm giữ
KDH	27,250	38,800	42.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	39,250	43,100	9.8%	Nắm giữ
MWG	93,100	99,600	7.0%	Nắm giữ
NLG	27,850	39,900	43.3%	Mua
NT2	27,750	27,700	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PHR	63,100	72,800	15.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	121,900	113,300	-7.1%	Giảm tỷ trọng
PVS	47,400	39,900	-15.8%	Bán
PVT	24,050	18,900	-21.4%	Bán
SAB	48,400	57,900	19.6%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,400	39,200	21.0%	Mua
TLG	54,500	53,400	-2.0%	Giảm tỷ trọng
TCB	36,250	35,650	-1.7%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,700	37,900	41.9%	Mua
TRC	78,500	94,800	20.8%	Mua
VCB	64,900	84,200	29.7%	Mua
VPB	28,950	37,000	27.8%	Mua
VCG	19,150	26,200	36.8%	Mua
VHC	61,500	60,000	-2.4%	Giảm tỷ trọng
VNM	68,200	66,650	-2.3%	Giảm tỷ trọng
VSC	25,900	17,900	-30.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

02/03	Vietnam & US – PMI Index
06/03	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
09/03	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
11/03	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
13/03	Mỹ - Chỉ số PCE, ước tính GDP lần đầu Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục mới
18/03	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
19/03	Mỹ - FED quyết định lãi suất EU - ECB quyết định lãi suất Nhật Bản – BOJ quyết định lãi suất Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
20/03	Việt Nam - Quỹ ETF liên quan FTSE ETF & VNM ETF hoàn tất cơ cấu danh mục
31/03	Mỹ - Cơ hội việc làm và chỉ số niềm tin tiêu dùng

THÔNG TIN VĨ MÔ

Nhóm cổ phiếu bất động sản thương mại đối diện thách thức lãi suất: Lãi suất vay mua nhà lên 11-13%/năm khiến áp lực trả nợ gia tăng, kéo cổ phiếu bất động sản nhà ở giảm gần 36% trong hơn 5 tháng qua, trong khi VN-Index tăng khoảng 10%. Bên cạnh đó, tín dụng kiểm soát chặt và nguồn cung tăng tại thị trường phía Nam làm giảm sức hấp thụ dự án, tác động xấu đến dòng tiền và lợi nhuận doanh nghiệp.

Tân Lãnh tụ tối cao Iran tuyên bố tiếp tục đóng cửa Eo biển Hormuz: Vào ngày 12/3, ông Mojtaba Khamenei, tân Lãnh tụ Tối cao của Iran, cho biết sẽ tiếp tục đóng cửa Eo biển Hormuz nhằm “làm công cụ gây áp lực lên đối thủ”. Đây là tuyên bố công khai đầu tiên của ông kể từ khi được bổ nhiệm vào ngày 9/3. Ông cũng nói rằng mọi căn cứ quân sự của Mỹ ở Trung Đông phải đóng cửa ngay lập tức, đồng thời cảnh báo chúng “sẽ bị tấn công”.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MCH - Doanh thu 2 tháng đầu năm 2026 tăng 15.2%: Trong 2 tháng đầu năm 2026, Masan Consumer ghi nhận tổng doanh thu đạt 5,160 tỷ đồng, tăng 15.2% so với cùng kỳ, vượt kế hoạch tăng trưởng doanh thu năm 2026 từ 11% đến 15%. Trong đó, doanh thu nhóm Gia vị tiếp tục tăng 22.8%, lên 1,980 tỷ đồng; doanh thu nhóm Hoá mỹ phẩm tăng 27.7%, lên 349 tỷ đồng; doanh thu nhóm Thực phẩm tiện lợi tăng 10.3%, lên 1,520 tỷ đồng; doanh thu nhóm Cà phê tăng 6.6%, lên 331 tỷ đồng.

MWG - Dragon Capital không còn là cổ đông lớn của Thế giới Di động: Ngày 6/3, nhóm quỹ liên quan Dragon Capital mua vào 300,000 cổ phiếu MWG để nâng sở hữu từ 4.99%, lên 5.02% vốn điều lệ và trở thành cổ đông lớn. Tuy nhiên tới ngày 9/3, nhóm quỹ này lại bán ra 700,000 cổ phiếu MWG để giảm sở hữu về 4.97% vốn điều lệ và không còn là cổ đông lớn. Trong đó, quỹ bán ra là Amersham Industries Limited.

PVS - PTSC cùng đối tác Trung Quốc triển khai gói thầu gần 8,000 tỷ đồng tại dự án Nhiệt điện Long Phú 1: Dự án Nhiệt điện Long Phú 1 là dự án nhiệt điện than công suất 1,200MW, tổng vốn đầu tư khoảng 30,000 tỷ đồng. Giá trị hợp đồng gói thầu T08 vào khoảng 7,800 tỷ. Bên nhận thầu là Liên danh giữa Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) và Công ty China Tianchen Engineering Corporation Ltd. (TCC).

PDV - Công ty lên kế hoạch lãi 120 tỷ đồng trong năm 2026: Theo kế hoạch, PVT Logistics đặt mục tiêu tổng doanh thu 2.3 ngàn tỷ đồng trong năm 2026, với khoảng 66% doanh thu đến từ dịch vụ vận tải và phần còn lại chủ yếu đến từ hoạt động thương mại. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế 120 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 96 tỷ đồng, tăng lần lượt 8% và 7% so với năm trước. Kế hoạch đầu tư tổng 146 triệu USD với 139.5 triệu USD cho đội tàu và 6.5 triệu USD kho cảng xăng dầu, hoá chất tổng hợp. Công ty cũng lên kế hoạch mua, thuê các tàu trọng tải 19,000-75,000 DWT.

ABB - ABBank hoàn tất tăng vốn lên gần 14,000 tỷ đồng: Ngân hàng TMCP An Bình vừa hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ lên gần 14,000 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chương trình ESOP dành cho cán bộ nhân viên.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415